

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước biến đổi chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên theo triều, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 07/8/2025 hầu hết ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 20-65cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên theo triều. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 07/08 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 10-40cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch xuống chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 07/08 hầu hết ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-25cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước tại Xẻo Rô trên sông Cái Lớn lên theo triều biển Tây. Mực nước cao nhất ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 5-10cm. Mực nước thấp nhất ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 10-35cm.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh lên dần trong những ngày tới, biên độ nước lên trung bình từ 3-6cm/ngày.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước lên nhanh theo xu thế triều biển Đông, biên độ nước lên trung bình từ 5-10cm/ngày.
- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch lên chậm theo triều và mưa nội vùng trong những ngày tới.
- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé xuống theo xu thế triều biển Tây đến ngày 14/08.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 9/8/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phan Minh Đạt

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 07/08						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			08/8	09/8	10/8	11/8	12/8	08/8	09/8	10/8	11/8	12/8
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	225	66	-10	266	40	3	271	279	285	289	291	223	225	230	235	239
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	127	33	12	214	12	38	223	228	233	238	240	126	128	131	134	138
Hậu	Khánh An	420	470	520	372	64	66	376	56	58	378	382	387	391	392	370	372	377	382	384
	Châu Đốc	300	350	400	172	27	-4	232	3	19	237	245	251	255	257	170	172	177	182	186
	Long Xuyên	190	220	250	80	14	18	196	-6	38	206	211	216	221	223	80	82	85	88	92
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	137	34	3	217	12	29	221	226	231	236	238	135	137	140	143	147
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	120	11	11	127	15	-19	129	131	134	137	141	122	124	127	130	134
	Vĩnh Gia	200	240	280	44	-15	-17	53	-12	-16	55	57	60	63	67	46	48	51	54	58
	Vĩnh Điều	170	200	230	41	-12	-19	52	-11	-21	54	56	59	62	66	43	45	48	51	55
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	38	-22	-21	49	-16	-19	51	53	56	59	63	40	42	45	48	52
T5	Nông Trường	160	190	220	47	-18	-16	58	-12	-13	60	62	65	68	72	49	51	54	57	61
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	92	2	-5	100	-2	-7	102	104	107	110	114	94	96	99	102	106
	Cô Tô	140	180	220	90	-3	13	98	-3	17	100	102	105	108	112	92	94	97	100	104
	Nam Thái Sơn	90	120	150	53	-13	-	67	-6	-	69	71	74	77	81	55	57	60	63	67
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	49	-11	-17	54	-10	-19	56	58	61	64	68	51	53	56	59	63
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	97	-6	12	111	-4	19	113	115	118	121	125	99	101	104	107	111
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	137	10	15	165	5	29	167	169	172	175	179	139	141	144	147	151
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	70	-20	-24	93	-20	-10	95	97	100	103	107	72	74	77	80	84
	Tân Thành	120	150	180	66	-11	-4	81	-7	1	83	85	88	91	95	68	70	73	76	80
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	50	-10	-1	62	-8	2	64	66	69	72	76	52	54	57	60	64
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	-9	-2	3	39	-5	-2	40	41	43	45	47	-8	-6	-5	-3	0
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-31	-34	-11	54	9	10	59	60	57	53	49	-36	-35	-33	-30	-26

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





